

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề thi 806

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Bắc Ninh. B. Hà Nội. C. Hải Dương. D. Hưng Yên.

Câu 42. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. xây công trình đê biển. B. chống ô nhiễm đất mặn.
C. mở rộng vườn quốc gia. D. nuôi dưỡng rừng ngập mặn.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

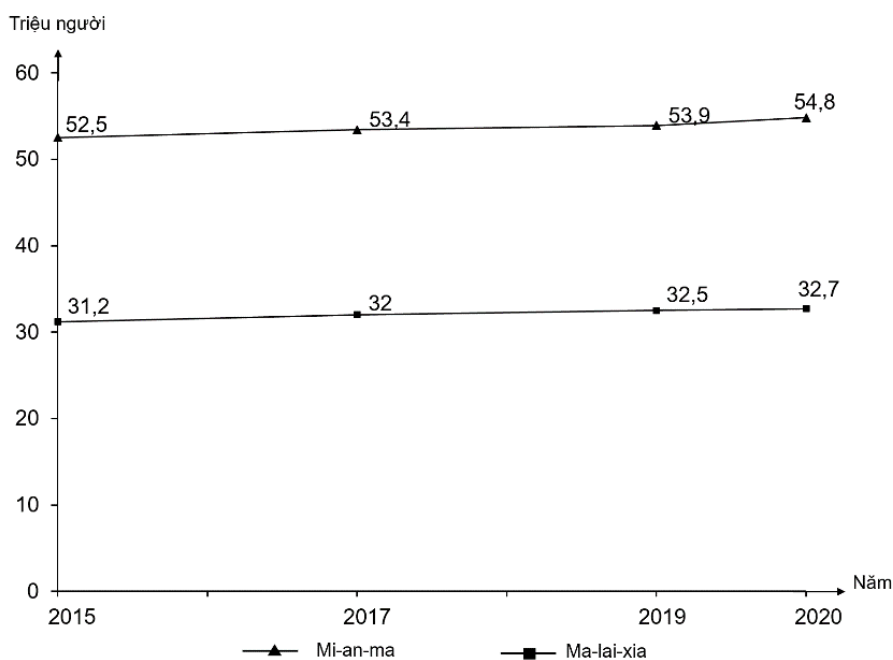
- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Hà Tĩnh. D. Nghệ An.

Câu 44. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

- A. bão biển. B. ngập lụt. C. hạn hán. D. lũ quét.

Câu 45. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

- A. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ. B. Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng.
C. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng. D. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

- A. Kon Tum. B. Di Linh. C. Lâm Viên. D. Mơ Nông.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Đồng Hới. B. Hà Nội. C. Điện Biên Phủ. D. Lạng Sơn.

Câu 48. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?

- A. Buôn Mê Thuật B. Pleiku. C. Đà Lạt. D. An Khê.

Câu 49. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

- A. công nghiệp tiêu dùng. B. công nghiệp khai thác.
C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp trọng điểm.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Hang động. B. Thắng cảnh. C. Du lịch biển. D. Vườn quốc gia.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

- A. Nghệ An. B. Gia Lai. C. Đắk Lắk. D. Quảng Nam.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Hà Giang. B. Quảng Ninh. C. Bắc Cạn. D. Lào Cai.

Câu 53. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. điện lực. B. khai khoáng. C. luyện kim. D. đóng tàu.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

- A. Bến Tre. B. Tiền Giang. C. Bạc Liêu. D. Trà Vinh.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Cần Thơ. B. Tiền Giang. C. Sóc Trăng. D. Kiên Giang.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?

- A. 4B. B. 5. C. 3. D. 6.

Câu 57. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là

- A. Vũng Tàu. B. Cam Ranh. C. Mũi Né. D. Nha Trang.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Bắc Ninh. B. Hải Phòng. C. Phúc Yên. D. Cẩm Phả.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

- A. Na Dương. B. Phả Lại. C. Ninh Bình. D. Uông Bí.

Câu 60. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, GIAI ĐOẠN
2015 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan. B. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.
C. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. D. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Mía, ngô. B. Thuốc lá, ngô. C. Lạc, mía. D. Lạc, đậu tương.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Ba. B. Sông Mã. C. Sông Thu Bồn. D. Sông Cả.

Câu 63. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.
- C. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.

- B. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.
- D. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.

Câu 64. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. sông ngòi dày đặc.
- C. khí hậu đa dạng.

- B. khoáng sản phong phú.
- D. tổng bức xạ lớn.

Câu 65. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. khuyến khích đánh bắt xa bờ.
- C. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.

- B. cấm khai thác thủy sản ven bờ.
- D. chưa gắn với bảo vệ môi trường.

Câu 66. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
- C. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.

- B. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.

Câu 67. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
- C. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.

- B. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế.
- D. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.

Câu 68. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
- C. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.

- B. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.
- D. tăng về số lượng và quy mô đô thị.

Câu 69. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
- C. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.

- B. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.
- D. sử dụng ít giống cho năng suất cao.

Câu 70. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
- C. ứng dụng phổ biến công nghệ gen.

- B. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.
- D. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.

Câu 71. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
- B. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
- C. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.
- D. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.

Câu 72. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- B. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.
- C. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
- D. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.

Câu 73. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.
- B. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
- C. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
- D. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.

Câu 74. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
- B. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.
- C. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
- D. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.

Câu 75. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
- B. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
- C. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
- D. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.

Câu 76. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
- B. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
- C. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
- D. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.

Câu 77. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

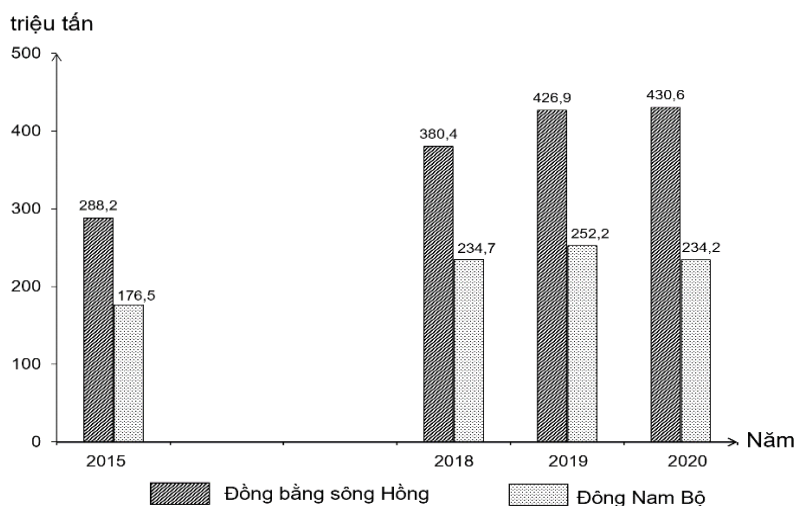
Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Tròn.
- C. Kết hợp.
- D. Cột.

Câu 78. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.
- B. Tốc độ tăng khối lượng.
- C. Cơ cấu khối lượng.
- D. Quy mô khối lượng.

Câu 79. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- B. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.
- C. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
- D. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.

Câu 80. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
- B. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- C. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
- D. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.